

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Văn phòng Công ty	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại Văn phòng Công ty	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại Văn phòng Công ty	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại Văn phòng Công ty	14 - 37
8. Phụ lục 01	38
9. Phụ lục 02	39
10. Phụ lục 03	40 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (tiền thân là Công ty Cổ phần Văn hóa – Du lịch Gia Lai) được thành lập theo Quyết định số 1506/QĐ-CT ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc chuyển Công ty Văn hóa – Du lịch Gia Lai thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900230301, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : 0269.3.824.332
- Fax : 0269.3.824.259

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Bình Định	Số 120, Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi	204 Nguyễn Nghiêm, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Phú Yên	Ô phố B8, khu dân dụng Duy Tân, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Nam	24 Trần Cao Vân, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; mua bán phim ảnh và băng hình; mua bán quà lưu niệm; khách sạn; dịch vụ karaoke, quảng cáo; mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu; mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải khách bằng taxi; dịch vụ tắm hơi, massage; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chăn nuôi khác; cho thuê mặt bằng kinh doanh; kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh; mua bán đồ chơi trẻ em; bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh; phát hành xuất bản phẩm; mua bán hàng công mỹ nghệ; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; vận tải hành khách đường thủy nội địa; kinh doanh lữ hành nội địa; bán lẻ điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
1. Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
2. Lưu Chí Hòa	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
3. Hoàng Trung Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017

4. Đặng Thanh Toàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
5. Nguyễn Trần Hanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018
6. Đỗ Đức Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
7. Đặng Văn Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018
8. Tống Văn Thiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2017
9. Hứa Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
1. Nguyễn Thị Triều Ninh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
2. Mai Văn Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
3. Lê Thị Hồng Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Đặng Thanh Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016
2. Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016
3. Bùi Viết Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Thanh Toàn – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2018



Số: 4.0189/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2018, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã nêu tại thuyết minh V.8 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Văn phòng Công ty đang ghi nhận hàng hóa thiếu hụt tại một số nhà sách của năm 2016 trên khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý là 2.282.238.930 VND và đang chờ Hội đồng quản trị xem xét, tìm hiểu nguyên nhân để đưa ra quyết định xử lý. Ngoài ra, Văn phòng Công ty ghi nhận chênh lệch hàng hóa thiếu và thừa giữa phần mềm quản lý bán hàng tại các nhà sách và phần mềm kế toán chưa xác định được nguyên nhân trên khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản thừa chờ xử lý lần lượt là 950.683.825 VND và 1.513.866.471 VND (xem thuyết minh V.8 và V.19a). Trong trường hợp Văn phòng Công ty không tìm được nguyên nhân để có thể xử lý được số hàng hóa thừa, thiếu trên thì khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán, lợi nhuận trước thuế và sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Công ty sẽ lỗ thêm tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình

lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày đó, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 52.323.685.001 VND. Với điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.5, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.647.137.365	61.402.447.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	504.873.850	995.759.314
1. Tiền	111		504.873.850	995.759.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	100.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	100.000.000	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.179.056.247	46.910.099.397
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.271.496.920	14.135.171.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.226.470.343	10.100.168.449
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		19.590.031.014	19.372.501.853
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9.113.548.562	7.324.748.614
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.255.413.347)	(7.255.413.347)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	3.232.922.755	3.232.922.755
IV. Hàng tồn kho	140		12.947.748.652	12.360.202.128
1. Hàng tồn kho	141	V.9	12.947.748.652	12.360.202.128
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		915.458.616	1.036.386.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	712.157.518	806.827.084
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	203.301.098	229.559.704
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.418.240.672	177.203.968.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		211.747.221	196.614.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		6.233.221	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	127.000.000	127.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	78.514.000	69.614.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		151.197.320.792	154.884.423.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	149.584.488.606	153.212.317.660
- Nguyên giá	222		209.211.973.748	209.211.973.748
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.627.485.142)	(55.999.656.088)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.612.832.186	1.672.105.610
- Nguyên giá	228		2.064.789.637	2.097.289.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(451.957.451)	(425.184.027)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.437.038.843	1.437.038.843
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.437.038.843	1.437.038.843
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.521.039.792	17.521.039.792
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	17.521.039.792	17.521.039.792
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.051.094.024	3.164.852.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	2.051.094.024	3.164.852.891
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		237.065.378.037	238.606.416.423

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		144.601.303.698	146.285.747.260
I. Nợ ngắn hạn	310		116.970.822.366	114.449.317.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	18.685.214.777	19.938.129.400
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	14.000.000	14.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.329.291.435	2.403.386.067
4. Phải trả người lao động	314	V.17	910.431.113	683.918.859
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	630.970.755	674.680.929
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	2.635.591.236	3.424.709.436
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	92.629.251.290	87.174.420.794
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	136.071.760	136.071.760
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.630.481.332	31.836.430.015
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	1.944.000.000	1.800.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	25.686.481.332	30.036.430.015
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

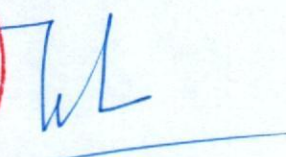
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.464.074.339	92.320.669.163
I. Vốn chủ sở hữu	410		92.464.074.339	92.320.669.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	87.999.260.000	87.999.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		87.999.260.000	87.999.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	3.056.845.000	3.056.845.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	1.194.593.985	3.371.385.893
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	213.375.354	(2.106.821.730)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		594.308.167	(2.106.821.730)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(380.932.813)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		237.065.378.037	238.606.416.423

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018




Võ Thị Thu Thủy
 Người lập


Trần Hà Giang
 Kế toán trưởng


Đặng Thanh Toàn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.195.313.480	49.497.279.539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.195.313.480	49.497.279.539
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.334.944.040	39.929.964.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.860.369.440	9.567.315.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.579.908.310	5.247.213.443
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.783.754.515	4.999.112.862
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.783.754.515	4.998.692.862
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.140.908.624	5.531.183.563
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.274.208.417	4.329.483.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		241.406.194	(45.251.211)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	102.530.072	91.333.761
12. Chi phí khác	32	VI.8	724.869.079	101.407.526
13. Lợi nhuận khác	40		(622.339.007)	(10.073.765)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(380.932.813)	(55.324.976)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(380.932.813)	(55.324.976)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018


Võ Thị Thu Thủy
Người lập


Trần Hà Giang
Kế toán trưởng


Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(380.932.813)	(55.324.976)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11, V.12	3.687.102.478	3.709.151.840
- Các khoản dự phòng	03	V.7	-	54.387.648
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(977.739.589)	(1.052.048.880)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.783.754.515	4.998.692.862
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.112.184.591	7.654.858.494
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.762.380.276)	(3.134.026.826)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(587.546.524)	671.329.787
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.733.769.894)	153.222.308
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.208.428.433	(82.888.218)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.839.309.996)	(5.500.776.321)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.602.393.666)	(238.280.776)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(319.361.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.626.389	9.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.626.389	(319.352.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG


Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

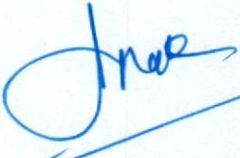
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	81.094.534.669	73.424.363.505
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(79.989.652.856)	(72.636.570.903)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.104.881.813	787.792.602
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(490.885.464)	230.159.606
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	995.759.314	743.977.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	504.873.850	974.137.328


Võ Thị Thu Thủy
 Người lập


Trần Hà Giang
 Kế toán trưởng


Đặng Thanh Toàn
 Tổng Giám đốc



Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Văn phòng Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; mua bán phim ảnh và băng hình; mua bán quà lưu niệm; khách sạn; dịch vụ karaoke, quảng cáo; mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu; mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; dịch vụ tắm hơi, massage; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; cho thuê mặt bằng kinh doanh; kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh; mua bán đồ chơi trẻ em; bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh; phát hành xuất bản phẩm; mua bán hàng công mỹ nghệ; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; bán lẻ điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Văn phòng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Trong kỳ, Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi và Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Nam đã tạm ngưng hoạt động.
- Theo Công văn số 69/2017/CV-CTC ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Ban lãnh đạo mới Công ty Cổ phần Gia Lai CTC, chính thức khởi kiện Ban lãnh đạo cũ về việc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý kinh tế, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, gây thất thoát nghiêm trọng tài sản của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ kiện vẫn đang tiếp tục trong quá trình điều tra chưa có kết luận chính thức.

6. Cấu trúc Văn phòng Công ty

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	Số 3, Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cung cấp dịch vụ ăn uống	27,72%	27,72%	27,72%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của Văn phòng Công ty có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 141 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, bảo dưỡng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 20

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	324.314.246	244.258.727
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	180.559.604	751.500.587
Cộng	504.873.850	995.759.314

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai ⁽ⁱ⁾	17.521.039.792	-	17.521.039.792	-
Cộng	17.521.039.792	-	17.521.039.792	-

⁽ⁱ⁾ Văn phòng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là 809.261 cổ phần, chiếm 40,46% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 02/NQHĐQT/CTC ngày 03 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng quản trị về việc không đồng ý mua số cổ phần được quyền mua thêm 404.630 cổ phần từ đợt

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

phát hành tăng vốn điều lệ năm 2016 tại Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai. Do vậy, Văn phòng Công ty chỉ còn nắm giữ 27,72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý

Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Không phát sinh dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Giao dịch với các công ty liên kết

Văn phòng Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hủy lãi vay phải trả	-	(736.116.268)
Cổ tức phải thu	971.113.200	1.052.039.300

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>10.242.709</u>	<u>10.242.709</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	10.242.709	10.242.709
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>15.261.254.211</u>	<u>14.124.928.364</u>
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC Nghệ An	677.867.298	677.867.298
Hộ kinh doanh Dương Trung Thành	390.000.000	390.000.000
Hộ kinh doanh Đinh Thiên Hùng	361.433.801	695.379.741
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	1.497.193.235	1.497.193.235
Khách hàng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi	1.085.937.798	1.085.937.798
Khách hàng tại Nhà sách Siêu thị Gia Lai C.T.C Pleiku	843.600.291	603.210.550
Khách hàng tại Nhà hàng Lá Xanh	1.712.817.375	1.131.028.845
Khách hàng tại Nhà sách Kbang	332.646.322	400.627.766
Khách hàng tại Tre Xanh Plaza	3.213.352.522	3.213.352.522
Các khách hàng khác	5.146.405.569	4.430.330.609
Cộng	<u>15.271.496.920</u>	<u>14.135.171.073</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Doanh nghiệp tư nhân Duy Thư	351.484.900	351.484.900
Nhà hàng Lá Xanh	738.685.684	738.685.684
Nguyễn Hoàng Long	1.175.750.000	1.175.750.000
Nguyễn Văn Thương	586.716.100	586.716.100
Trương Văn Sinh	514.807.460	514.807.460
Các nhà cung cấp khác	6.859.026.199	6.732.724.305

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	10.226.470.343	10.100.168.449
5. Phải thu về cho vay dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho cá nhân khác vay (*)	127.000.000	127.000.000
Cộng	127.000.000	127.000.000

(*) Cho cán bộ công nhân viên Văn phòng Công ty vay.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.857.531.363	-	886.418.163	-
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai - Cổ tức được chia	1.857.531.363	-	886.418.163	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.256.017.199 (1.580.621.351)		6.438.330.451 (1.580.621.351)	
Công ty Cổ phần Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực Châu Á Thái Bình Dương	1.289.920.000	-	1.289.920.000	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế - Phải thu người lao động	624.478.655	-	692.451.893	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	220.048.637	-	220.048.637	-
Tạm ứng	541.532.695	-	424.036.832	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.580.037.212 (1.580.621.351)		3.811.873.089 (1.580.621.351)	
Cộng	9.113.548.562 (1.580.621.351)		7.324.748.614 (1.580.621.351)	

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi - Phải thu tiền hàng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.085.937.798	542.968.899	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.085.937.798	542.968.899
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền hàng	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	4.520.680.358	1.959.063.138	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	4.520.680.358	1.959.063.138
Phải thu các cá nhân khác - Phải thu khác	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	2.589.304.849	1.013.758.800	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	2.589.304.849	1.013.758.800
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu cho vay	Trên 3 năm	127.000.000	-	Trên 3 năm	127.000.000	-
Nguyễn Hoàng Long - Trả trước người bán	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.175.750.000	823.025.000	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.175.750.000	823.025.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn năm	Giá gốc	Thời gian quá hạn năm	Giá gốc
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Trả trước người bán	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	3.296.113.722	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	3.296.113.722
Cộng		<u>12.794.786.727</u>		<u>12.794.786.727</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.255.413.347	4.952.552.067
Trích lập dự phòng bổ sung	-	54.387.648
Số cuối kỳ	<u>7.255.413.347</u>	<u>5.006.939.715</u>

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho (*)	3.232.922.755	3.232.922.755
Cộng	<u>3.232.922.755</u>	<u>3.232.922.755</u>

(*) Trong đó:

- Hàng hóa chênh lệch giữa chi tiết phần mềm quản lý hàng hóa với phần mềm kế toán tại các nhà sách tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền 950.683.825 VND chưa xác định nguyên nhân.
- Hàng hóa thiếu hụt sau kiểm kê của một số nhà sách trong năm 2016 với số tiền 2.282.238.930 VND chưa rõ nguyên nhân. Hội đồng quản trị Công ty đang xem xét tìm hiểu rõ nguyên nhân để đưa biện pháp xử lý.

9. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.245.717	-	67.811.782	-
Hàng hóa	12.867.502.935	-	12.292.390.346	-
Cộng	<u>12.947.748.652</u>	<u>-</u>	<u>12.360.202.128</u>	<u>-</u>

10. Chi phí trả trước**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	70.064.180	282.512.864
Chi phí công cụ, dụng cụ	464.599.613	408.460.890
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	177.493.725	115.853.330
Cộng	<u>712.157.518</u>	<u>806.827.084</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.324.574.186	2.084.382.329
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	715.297.606	1.055.781.666

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.222.232	24.688.896
Cộng	2.051.094.024	3.164.852.891

11. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 143.518.982.168 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.236.198.137	861.091.500	2.097.289.637
Điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện	-	(32.500.000)	(32.500.000)
Số cuối kỳ	1.236.198.137	828.591.500	2.064.789.637
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	77.500.000	77.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	425.184.027	425.184.027
Khấu hao trong kỳ	-	59.273.424	59.273.424
Điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện	-	(32.500.000)	(32.500.000)
Số cuối kỳ	-	451.957.451	451.957.451
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.236.198.137	435.907.473	1.672.105.610
Số cuối kỳ	1.236.198.137	376.634.049	1.612.832.186
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 737.352.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	1.437.038.843	-	-	1.437.038.843
Công viên Đồng Xanh	1.437.038.843	-	-	1.437.038.843
Cộng	1.437.038.843	-	-	1.437.038.843

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Nhà sách Hồng Ân	-	26.352.029
Công ty Cổ phần In_ Đầu tư Phát triển Giáo dục Gia Lai	321.402.829	422.217.815
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Thuận Tiến	875.383.030	432.593.676
Công ty TNHH Văn hóa - Sáng tạo Trí Việt	357.260.526	362.332.986
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	55.511.179	90.808.775
Công ty Cổ phần Văn hóa Huy Hoàng - Chi nhánh Phía Nam	415.166.632	466.161.162
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Trẻ	268.353.825	340.237.942
Chi nhánh Nhà xuất bản Kim Đồng tại Miền Trung	184.280.330	388.846.541
	1.666.985.141	-
Các nhà cung cấp khác	14.540.871.285	17.408.578.474
Cộng	18.685.214.777	19.938.129.400

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Nguyễn Văn	194.296.863	194.296.863
Các nhà cung cấp khác	4.783.841.341	2.498.891.697
Cộng	4.978.138.204	2.693.188.560

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Nguyễn Văn Hà	11.000.000	11.000.000
Nguyễn Văn Tuất	3.000.000	3.000.000
Cộng	14.000.000	14.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.274.900.960	1.456.080	1.841.966.589	(2.886.317.523)	1.230.550.026	1.456.080
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.912.952	-	-	-	8.912.952	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	194.090.944	-	-	-	194.090.944
Thuế thu nhập cá nhân	-	34.012.680	38.532.386	(12.273.780)	-	7.754.074
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	119.572.155	-	540.126.189	(569.869.887)	89.828.457	-
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Cộng	2.403.386.067	229.559.704	2.430.625.164	(3.478.461.190)	1.329.291.435	203.301.098

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nhà sách: bán sách các loại	Không chịu thuế, 5%, 10%
Siêu thị	10%
Dịch vụ cho thuê văn phòng, ăn uống, nhà hàng, khách sạn	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(380.932.813)	(55.324.976)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	724.869.079	155.795.174
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	343.936.266	100.470.198
Thu nhập được miễn thuế	(4.571.113.200)	(5.242.048.880)
- Lãi hợp tác kinh doanh	(3.600.000.000)	(4.190.000.000)
- Cổ tức được chia	(971.113.200)	(1.052.048.880)
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(4.227.176.934)	(5.141.578.682)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Văn phòng Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

Các loại thuế khác

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	8.696.308	64.251.789
Chi phí tại nhà hàng, khách sạn	622.274.447	227.929.140
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	382.500.000
Cộng	630.970.755	674.680.929

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	739.116.268
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai - Tiền lãi vay	-	739.116.268
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.635.591.236	2.685.593.168
Tài sản thừa chờ giải quyết (*)	1.513.866.471	1.513.866.471
Bảo hiểm y tế	125.369.372	68.714.672
Bảo hiểm thất nghiệp	56.923.249	31.615.849
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	936.369.563	882.539.817
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.062.581	188.856.359
Cộng	2.635.591.236	3.424.709.436

(*) Trong đó, chênh lệch hàng hóa thừa giữa phần mềm quản lý bán hàng tại các nhà sách và phần mềm kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa xác định được nguyên nhân số tiền 1.513.866.471 VND.

19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	10.447.339.621	8.747.339.621
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai ⁽ⁱ⁾	8.747.339.621	8.747.339.621
Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱⁱ⁾	1.700.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	82.181.911.669	78.427.081.173
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.194.534.669	72.804.482.508
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	43.216.795.048	37.809.415.293
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(iv)	34.977.739.621	34.995.067.215
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	180.000.000
- Vay Nguyễn Thùy Trang	-	180.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.987.377.000	5.442.598.665
Cộng	92.629.251.290	87.174.420.794

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất ngân hàng BIDV Gia Lai. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 03 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để bổ sung vốn kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh của bên thứ 3 và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để phục vụ sản xuất kinh doanh khách sạn, nhà hàng, phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, ảnh màu điện tử, dịch vụ vui chơi giải trí, hàng tiêu dùng, gia dụng, điện máy với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.11).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	72.804.482.508	78.894.534.669	-	(73.504.482.508)	78.194.534.669
Vay ngắn hạn các cá nhân	180.000.000	2.200.000.000	-	(680.000.000)	1.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	14.189.938.286	-	4.278.500.000	(5.733.721.665)	12.734.716.621
Cộng	87.174.420.794	81.094.534.669	4.278.500.000	(79.918.204.173)	92.629.251.290

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	1.305.500.000	-	1.305.500.000	-
Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱ⁾	1.305.500.000	-	1.305.500.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	24.380.981.332	19.762.726.620	28.730.930.015	24.041.226.620
Vay dài hạn ngân hàng	19.762.726.620	19.762.726.620	24.041.226.620	24.041.226.620
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	3.602.500.000	3.602.500.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	19.762.726.620	19.762.726.620	20.438.726.620	20.438.726.620
Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.618.254.712	-	4.689.703.395	-
Cộng	25.686.481.332	19.762.726.620	30.036.430.015	24.041.226.620

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay bằng lãi suất vay ngắn hạn theo Ngân hàng thương mại nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để đầu tư xây dựng khách sạn và cải tạo, nâng cấp nhà hàng với lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, thời hạn vay được quy định theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời hạn tối thiểu là 96 tháng và tối đa là 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.11).
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân khác để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay bằng lãi suất vay ngắn hạn theo Ngân hàng thương mại nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, thời hạn vay 03 năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	23.750.103.620	3.987.377.000	19.762.726.620	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.747.339.621	8.747.339.621	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	5.923.754.712	-	5.923.754.712	-
Cộng	38.421.197.953	12.734.716.621	25.686.481.332	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	29.483.825.285	5.442.598.665	24.041.226.620	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.747.339.621	8.747.339.621	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	5.995.203.395	-	5.995.203.395	-
Cộng	44.226.368.301	14.189.938.286	30.036.430.015	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	24.041.226.620	(4.278.500.000)	-	19.762.726.620
Vay dài hạn các cá nhân	5.995.203.395	-	(71.448.683)	5.923.754.712
Cộng	30.036.430.015	(4.278.500.000)	(71.448.683)	25.686.481.332

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Các bên liên quan	1.305.500.000	-	1.305.500.000	1.305.500.000	-	1.305.500.000
Vay các cá nhân có liên quan	1.305.500.000	-	1.305.500.000	1.305.500.000	-	1.305.500.000
Các đơn vị và cá nhân khác	4.618.254.712	-	4.618.254.712	4.689.703.395	-	4.689.703.395
Vay dài hạn các cá nhân khác	4.618.254.712	-	4.618.254.712	4.689.703.395	-	4.689.703.395
Cộng	5.923.754.712	-	5.923.754.712	5.995.203.395	-	5.995.203.395

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán và đã được gia hạn nợ.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(230.903.649)	-	(230.903.649)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	366.975.409	-	366.975.409
Cộng	136.071.760	-	136.071.760

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đinh Vạn Dũng	9.646.740.000	9.646.740.000
Phạm Đức Hùng	11.660.380.000	11.660.380.000
Tổng Văn Thiều	9.931.660.000	9.931.660.000
Vũ Thị Mai	9.013.460.000	9.013.460.000
Trần Thiện	8.429.920.000	8.429.920.000
Các cổ đông khác	39.317.100.000	39.317.100.000
Cộng	87.999.260.000	87.999.260.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.799.926	8.799.926
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu phổ thông	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu phổ thông	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/CTC ngày 16 tháng 6 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2017 và hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển để bù đắp số lỗ lũy kế của Công ty.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.146.651.644	1.146.651.644
Trên 01 năm đến 05 năm	3.131.361.806	3.131.361.806
Trên 05 năm	19.193.647.930	19.193.647.930
Cộng	23.471.661.379	23.471.661.379

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Văn phòng Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực từ 04 năm đến 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh địa phương công bố.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	17.992.981.273	33.583.203.945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.202.332.207	15.914.075.594
Cộng	32.195.313.480	49.497.279.539

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.065.464.999	27.220.023.658
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.269.479.041	12.709.940.682
Cộng	26.334.944.040	39.929.964.340

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.626.389	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.064.721	4.060.563
Lãi hợp tác kinh doanh	3.600.000.000	4.190.000.000
Lãi ký quỹ	1.104.000	1.104.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	971.113.200	1.052.048.880
Cộng	4.579.908.310	5.247.213.443

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.783.754.515	4.998.692.862
Chi phí tài chính khác	-	420.000
Cộng	3.783.754.515	4.999.112.862

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.416.930.672	2.737.080.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532.620.924	553.707.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.704.980	1.667.252.269
Chi phí bằng tiền khác	421.652.048	573.143.703
Cộng	3.140.908.624	5.531.183.563

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.225.243.978	1.583.856.433
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.409.088	219.402.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.473.838	449.123.838
Thuế, phí và lệ phí	104.102.690	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	135.197.208
Dự phòng phải thu khó đòi	-	54.387.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.163.978	423.846.537
Các chi phí khác	1.188.814.845	1.463.669.614
Cộng	3.274.208.417	4.329.483.428

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm bồi thường	25.014.715	-
Thu tiền chiết khấu doanh số	14.073.245	59.760.246
Thu hỗ trợ chi phí phát hành sách	-	11.431.718
Thu tiền bồi thường thất thoát hàng hóa	6.566.706	14.460.000
Thu nhập từ khuyến mãi	-	3.510.507
Thu nhập khác	56.875.406	2.171.290
Cộng	102.530.072	91.333.761

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí không có hóa đơn	614.000.000	-
Tiền phạt chậm nộp thuế, phí, lệ phí	94.886.851	45.192.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	-	56.215.332
Chi phí khác	15.982.228	-
Cộng	724.869.079	101.407.526

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.203.203.626	4.257.692.453
Chi phí nhân công	4.748.383.598	6.984.236.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.687.102.478	3.709.151.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.231.977.078	4.619.304.275
Chi phí khác	2.926.465.574	2.872.860.613
Cộng	17.797.132.354	22.443.245.864

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 314/PC46 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đang thụ lý vụ án trốn thuế xảy ra từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2016 tại Nhà hàng Tre Xanh (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC), theo đó Cơ quan Cảnh sát điều tra có đủ căn cứ xác định từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2016 Ban lãnh đạo cũ của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC kê khai, nộp thuế thấp hơn doanh thu của Nhà hàng Tre Xanh với số tiền 8.421.769.293 VND, nhằm giảm số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước số tiền 1.606.022.024 VND (trong đó bao gồm thuế GTGT 842.176.929 VND và thuế TNDN 763.845.095 VND) đã gây thiệt hại Ngân sách Nhà nước. Đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú các cá nhân có liên quan trên.

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.054.000.000	2.054.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	4.542.833.333	4.542.833.333
Trên 05 năm	6.159.166.667	6.159.166.667
Cộng	12.756.000.000	12.756.000.000

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền	1.700.000.000	-
Trả tiền vay	-	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20a và V.20b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	360.326.501	222.600.000
Thưởng	1.000.000	22.500.000
Thù lao	60.705.000	-
Phụ cấp	29.500.000	25.500.000
Cộng	451.531.501	270.600.000

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là Công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.6a, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thương mại: buôn bán sách các loại, văn phòng phẩm, siêu thị.
- Hoạt động dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, cho thuê tài sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Văn phòng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 52.323.685.001 VND, yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty.

Tuy nhiên, các cổ đông và các công ty khác trong cùng Tập đoàn cam kết sẽ tiếp tục cung cấp hàng hóa và hỗ trợ tài chính cho Văn phòng Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu Văn phòng Công ty hoàn trả tiền nợ mua hàng hóa và tài sản cố định cho đến khi Văn phòng Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được lập dựa trên giả thiết Văn phòng Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Võ Thị Thu Thủy
Người lập

Trần Hà Giang
Kế toán trưởng



Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.819.458.822	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	209.211.973.748
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	172.819.458.822	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	209.211.973.748
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.874.426.252	2.016.755.002	222.046.608	345.221.925	297.181.000	10.755.630.787
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	38.072.092.877	15.177.231.985	626.243.576	441.735.495	1.682.352.155	55.999.656.088
Khấu hao trong kỳ	2.475.970.781	861.148.123	86.613.636	22.067.900	182.028.614	3.627.829.054
Số cuối kỳ	40.548.063.658	16.038.380.108	712.857.212	463.803.395	1.864.380.769	59.627.485.142
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	134.747.365.945	14.316.708.879	2.194.212.123	279.848.795	1.674.181.918	153.212.317.660
Số cuối kỳ	132.271.395.164	13.455.560.756	2.107.598.487	257.780.895	1.492.153.304	149.584.488.606
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Đặng Thanh Toàn
 Tổng Giám đốc

Trần Hà Giang
 Kế toán trưởng

Võ Thị Thu Thủy
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(6.932.356.027)	87.495.134.866
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(55.324.976)	(55.324.976)
Lợi nhuận từ các đơn vị trực thuộc	-	-	-	941.852.195	941.852.195
Tăng khác	-	-	-	4.399.963.000	4.399.963.000
Số dư cuối kỳ trước	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(1.645.865.808)	92.781.625.085
Số dư đầu năm nay	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(2.106.821.730)	92.320.669.163
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(380.932.813)	(380.932.813)
Lợi nhuận từ các đơn vị trực thuộc	-	-	-	524.337.989	524.337.989
Hoàn nhập các quỹ (*)	-	-	(2.176.791.908)	2.176.791.908	-
Số dư cuối kỳ này	87.999.260.000	3.056.845.000	1.194.593.985	213.375.354	92.464.074.339

(*) Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/CTC ngày 16 tháng 6 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2017 và hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển để bù đắp số lỗ lũy kế của Công ty.

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018



Trần Hà Giang

Trần Hà Giang
Kế toán trưởng

Võ Thị Thu Thủy

Võ Thị Thu Thủy
Người lập

Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					Đơn vị tính: VND
Kỳ này	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.992.981.273	14.202.332.207	-	-	32.195.313.480
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.992.981.273	14.202.332.207	-	-	32.195.313.480
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.992.981.273	14.202.332.207	-	-	32.195.313.480
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(32.750.061.081)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(554.747.601)
Doanh thu hoạt động tài chính					4.579.908.310
Chi phí tài chính					(3.783.754.515)
Thu nhập khác					102.530.072
Chi phí khác					(724.869.079)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(380.932.813)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	262.816.442	-	-	-	262.816.442
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.063.677.787	-	-	-	5.063.677.787
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	33.583.203.945	15.914.075.594	-	-	49.497.279.539
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.583.203.945	15.914.075.594	-	-	49.497.279.539
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	33.583.203.945	15.914.075.594	-	-	49.497.279.539
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(49.790.631.331)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(293.351.792)
Doanh thu hoạt động tài chính					5.247.213.443
Chi phí tài chính					(4.999.112.862)
Thu nhập khác					91.333.761
Chi phí khác					(101.407.526)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(55.324.976)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.997.371.607	-	-	-	2.997.371.607
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.774.375.258	-	-	-	5.774.375.258
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	54.387.648	-	-	-	54.387.648



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	219.444.338.245	-	-	-	219.444.338.245
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	17.621.039.792
Tổng tài sản					237.065.378.037
	144.601.303.698	-	-	-	144.601.303.698
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					144.601.303.698
	220.985.376.631	-	-	-	220.985.376.631
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	17.621.039.792
Tổng tài sản					238.606.416.423
	146.285.747.260	-	-	-	146.285.747.260
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					146.285.747.260

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2018



Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc

Trần Hà Giang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thu Thủy
Người lập